

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày 26-5-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Kim Liên

Ông Nguyễn Văn Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 268/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T; ĐKTT: Số 32 tổ 2 khu T, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng (nay là số 32 mường A, tổ 1, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng); chỗ ở: Cụm 5 V 2, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Quang M; nơi cư trú: Số 32 tổ 2 khu T, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng (nay là số 32 mường A, tổ 1, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 10 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị T và anh Lê Quang M xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận L, thành phố Hải Phòng vào ngày 25 tháng 05 năm 201X.

Thời gian đầu chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh M có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác. Bản thân chị đã khuyên giải và cho anh M cơ hội nhiều lần nhưng anh M vẫn không thay đổi dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ cuối tháng 12/2019 đến nay, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Quang M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Phan A, sinh ngày 02/9/201X. Hiện cháu học trường Nguyễn Văn Tố và đang ở cùng bố và ông bà nội nên ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh M nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Quang M trình bày: Anh và chị T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận L, thành phố Hải Phòng ngày 25 tháng 05 năm 201X. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Tuy nhiên do công việc của anh là lái xe, thường chở khách qua đêm nên chị T nghi ngờ anh có quan hệ với người phụ nữ khác, anh cũng nhận thấy bản thân có chơi bời, đi qua đêm từ đó vợ chồng xảy ra xích mích, cãi nhau. Anh cũng nhận thấy mình có lỗi. Tuy nhiên gần đây chị T cũng có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nhưng anh không muốn vạch trần. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải và động viên nhưng không có kết quả. Từ cuối tháng 12 năm 2019 chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở K, hai vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị T có đơn ly hôn anh không đồng ý ly hôn và muốn chị T rút đơn xin ly hôn để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Phan A, sinh ngày 02/9/201X hiện đang ở cùng với anh, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ với đại diện gia đình và đại diện chính quyền địa phương thấy: Chị T và anh M xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận L, Hải Phòng. Quá trình chung sống hai bên có mâu thuẫn do chị T nghi ngờ anh M có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng có xảy ra cãi vã. Từ cuối năm 2019 đến nay chị T đã về nhà ngoại sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân phát biểu ý

kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật;

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu Tòa án đã thu thập thể hiện mâu thuẫn của chị T và anh M không thể hòa giải, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Lê Quang M.

Về con chung: Đề nghị Tòa án giao con Lê Phan A, sinh ngày 02/9/201X cho anh M nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên không yêu cầu nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị HĐXX xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện xin ly hôn thể hiện anh Lê Quang M; nơi cư trú: Số 32 tổ 2 khu T, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng (nay là số 32 mường A, tổ 1, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng) nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Về quan hệ hôn nhân:

[2] Việc kết hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Lê Quang M tuân thủ đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ vào lời khai của chị T và anh M cũng như việc thu thập chứng cứ của Tòa án, HĐXX xác định vợ chồng xảy mâu thuẫn do không tin tưởng nhau về mặt tình cảm, hơn nữa anh M nhận bản thân có chơi bời và đi qua đêm nên vợ chồng xảy ra xích mích, cãi nhau. Gia đình hai bên cũng đã hòa giải nhưng không có kết quả. Từ cuối tháng 12/2019 đến nay, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng đã sống ly thân. Mặc dù anh M không đồng ý ly hôn nhưng cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh M là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị T và anh M có 01 con chung là Lê Phan A, sinh ngày

02/9/201X, hiện đang ở cùng anh M và ông bà nội. Ly hôn chị T đề nghị Tòa án giao con chung cho anh M nuôi dưỡng; anh M cũng đề nghị Tòa án giao con chung cho anh nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận giao con chung Lê Phan A cho anh Lê Quang M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Lê Quang M.

2. Về con chung: Giao con Lê Phan A, sinh ngày 02/9/201X cho anh Lê Quang M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên không yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền trên chị T đã nộp đủ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0013751 ngày 06 tháng 01 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Về quyền kháng cáo:

Chị Phạm Thị T và anh Lê Quang M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- UBND P. K, quận L,
Hải Phòng (GCNKH ngày 25/5/201X);
- Chi cục THA dân sự quận Lê Chân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tuyết Hồng